TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HS-ST
Ngày: 10-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Xuân Bộ.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Kiêm Toàn.**
2. Ông **Nguyễn Thành Lâm.**
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện VKSND huyện Thanh Thủy tham gia phiên toà:* Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121 /2021/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Kiều Thế S**; - Giới tính: Nam- Tên gọi khác: Không;
- Sinh ngày: 25/3/1985 tại huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ;
- Hộ khẩu thường trú + Chỗ ở : Khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12;
- Bố đẻ: Kiều Kiên C1 – sinh năm 1958; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Đ – Sinh năm 1958;
- Anh chị em ruột: Có 3 anh em, bị cáo là con thứ hai;
- Vợ: Hoàng Thị L – Sinh năm 1989;
- Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020;.

Bố mẹ, vợ con bị cáo hiện ở tại khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

-Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Bản án số 50/HSST ngày 16/4/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt Kiều Thế S 05 năm tù, bồi thường 200.000 đồng và 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm + 50.000 đồng án phí dân sự. Sơn đã chấp hành xong hình phạt tù ngày

30/8/2005, đã bồi thường số tiền 200.000 đồng ngày 06/3/2004, đã thi hành án phí 100.000 đồng ngày 20/8/2003.

+ Bản án số 56/HSST ngày 24/4/2007 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn La xử phạt Kiều Thế S 08 năm tù về tội Cướp tài sản, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng. Bị cáo kháng cáo. Bản án số 50/HSPT ngày 21/6/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, tuyên y án sơ thẩm, bị cáo chịu 50.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Sơn chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/9/2014, đã thi hành án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm ngày 10/01/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2021 đến ngày 27/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" sang "Bảo lĩnh", hiện đang tại ngoại tại khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

2- Họ và tên: **Phạm Văn L2**; **-** Giới tính: Nam**;** Tên gọi khác: Không;

- Sinh ngày: 09/9/1993 tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ;
- Hộ khẩu thường trú + Chỗ ở : Xóm Đá Cóc, xã T S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12;
- Bố đẻ: Phạm Văn L3 – sinh năm 1968;- Mẹ đẻ: Không xác định;
- Mẹ kế: Nguyễn Thị L4 – sinh năm 1968;
- Anh chị em ruột: Có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất;
- Vợ: Đinh Thị Hồng U – Sinh năm 1989 (đã ly hôn)
- Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019;.
- Tiền án: Không.
- Tiền sự: Có 01 tiền sự;

Ngày 18/6/2020, Phạm Văn L2 bị Công an huyện Thanh Thủy xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác. L2 chưa chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/8/2021 đến ngày 17/11/20211 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" sang "Bảo lĩnh", hiện bị cáo đang tại ngoại tại xóm Đá Cóc, xã T S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: Khu 10, xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Dương Văn C3, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: Khu 8, thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Vũ Quang M1, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu 7, thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Văn L5, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Khu 4, thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Phạm Văn A, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Khu 4, thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Ngọc S2, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Phạm Minh T2, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: Khu 6, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

+ Anh Trần Quang M2, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: Khu Chiềng, xã T K, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Văn M3, sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã T K, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Phạm Ngọc T4, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Trần Văn H1, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Khu 9, xã Đ X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Mạnh T5, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu 3, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Bình M4, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1963, hộ khẩu thường trú: Khu 4, xã Đ H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Đình C4, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã Đ H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Trần Trung D2, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: Khu phố Vàng, thị trấn T S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Bùi Trung K1, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: Khu 12, thị trấn P Y, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

+ Anh Nguyễn Văn C5, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Vũ Quang N4, sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú: Khu 1,xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Phan Ngọc H2, sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: Khu 6, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Thế H3, sinh năm 1998, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Trần Ngọc N5, sinh năm 2003, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Mạnh H4, sinh năm 1961, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: Khu 10, xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Nguyễn Thị L5, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú:Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Văn H5, sinh năm 1998, hộ khẩu thường trú: Khu 3, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Phạm Quang V, sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Nguyễn Thị T7, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: Khu 10, xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Nguyễn Thị T8, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Phạm Ngọc T9, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Đức T10, sinh năm 1981.hộ khẩu thường trú: Khu 1, thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Phạm Tiến T11, sinh năm 1984. hộ khẩu thường trú: Khu 2, thị trấn H H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Nguyễn Thị L6, sinh năm 1992. HKTT: Khu 5, xã Đ T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Nguyễn Thị C6, sinh năm 1954. HKTT: Khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Lê Thúy K2, sinh năm 1994. HKTT: Xã X L, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Văn S3, sinh năm 1998, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Hà Văn H6, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: xã X Đ, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Chí V2, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Tiến D3, sinh năm 1994.hộ khẩu thường trú: Khu 3, thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Thái S4, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Xã X L, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Hoàng Xuân T12, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: Khu 18, xã Đ Q, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Kiều Đại N6, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Khu 2 xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ Ông Kiều Văn K2, sinh năm 1964, hộ khẩu thường trú: Khu 2 xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy nhận được đơn tố giác của công dân trên địa bàn xã B Y, huyện Thanh Thủy, nội dung tố cáo Kiều Thế S, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, các giấy tờ tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay gửi tại nhà ông Kiều Văn K2, sinh năm 1964, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi tiếp nhận đơn tố giác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã tiến hành xác minh theo quy định. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được, ngày 29/6/2021, Cơ quan điều tra đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Kiều Thế S và ông Kiều Văn K2. Kết quả khám xét thu giữ tại nhà ông Kiều Văn K2: 01 túi vải màu đỏ nhãn hiệu BENYUE bên trong túi có: 61 hợp đồng cho vay tiền, 08 hợp đồng vay tiền, 29 giấy mượn tiền, 03 giấy vay tiền, 02 giấy bán cho tặng xe, 01 giấy mượn xe và nhiều giấy tờ tài liệu liên quan đến việc cho vay như: chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu, chứng nhận đăng ký xe, giấy phép lái xe…; Thu giữ tại chỗ ở của Kiều Thế S: 01 điện thoại di động Iphone 6S màu trắng, lắp sim số 0983.795.766 và số tiền 20.200.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã làm rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Kiều Thế S như sau:

Kiều Thế S không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh dịch vụ cho vay tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính, nhưng từ năm 2017 đến năm 2021, Sơn đã cho những người quen biết có nhu cầu hoặc khó khăn về tài chính vay tiền mà không phải thế chấp, cầm cố tài sản với mức lãi suất vượt quá nhiều lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự để thu lời bất chính. Quá trình hoạt động, Sơn đã cho nhiều người dân trên địa bản các xã B Y, Đoan Hạ, Sơn Thủy, Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, xã T K, huyện Thanh Sơn… vay tiền với nhiều mức lãi suất khác nhau, cụ thể từ 9%/tháng đến 15%/1 tháng, tương ứng 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm, trả lãi theo ngày tương ứng từ 3.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày.

Trong quá trình hoạt động cho vay lãi nặng, tháng 4/2018, Kiều Thế S rủ Phạm Văn L2, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: xóm Đá Cóc, xã T S, huyện

Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ cùng tham gia, L2 đồng ý và được Sơn phân công đi thu tiền lãi của những người vay tiền của Sơn, Sơn cho L2 biết họ tên, địa chỉ, số điện thoại, số tiền vay, số tiền lãi để L2 đến nhà hoặc gọi điện thoại cho những người vay đòi tiền lãi, L2 sẽ đôn đốc hoặc thúc giục người vay nếu không trả đúng hạn. Sơn cung cấp cho L2 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, biển kiểm soát 19L1 - 208.31 để L2 làm phương tiện đi thu tiền lãi cho Sơn. Quá trình làm cùng Sơn, L2 được Sơn nuôi ăn, ở và cho tiền tiêu sài cá nhân. Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, biển kiểm soát 19L1 - 208.31; tạm giữ của Phạm Văn L2: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám, lắp sim số 0971.502.210, 01 điện thoại Nokia Ta-1203 màu đen, lắp sim số 0921.480506.

Phương thức cho vay và thu tiền lãi của Sơn như sau: Người có nhu cầu vay tiền sẽ trực tiếp gặp Sơn hoặc gọi điện thoại để thỏa thuận số tiền vay, lãi suất. Người vay đồng ý sẽ gặp Sơn, Sơn sẽ quyết định lãi suất cho từng trường hợp cụ thể. Sơn yêu cầu người vay viết hợp đồng cho vay tiền, hợp đồng vay tiền, giấy vay tiền, hoặc giấy mượn tiền theo mẫu soạn sẵn. Đến thời gian trả lãi, nếu người vay không trả đúng hẹn Sơn và L2 sẽ trực tiếp gọi điện thúc giục và nhận tiền lãi trực tiếp từ người vay hoặc Sơn sẽ nhận qua số tài khoản 2717205256948, mở tại Ngân hàng Agribank, chủ tài khoản là Hoàng Thị L, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ và số tài khoản 103003716642, mở tại Ngân hàng Viettinbank, chủ tài khoản là Kiều Thu H7, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Với phương thức cho vay như trên, từ tháng 4/2018 đến tháng 01/2021, Kiều Thế S đã cho 35 người vay tiền với tổng số tiền gốc cho vay là 602.000.000 đồng với mức lãi suất từ 3000 đồng/ 1 triệu/ ngày đến 5000 đồng/1 triệu/1 ngày. Cụ thể như sau:

1.Đối với anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 26/4/2018, Kiều Thế S cho anh Chiến vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Chiến viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền và để lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn C2. Anh Chiến đã trả lãi cho Sơn 60 ngày, tương ứng với số tiền 9.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 987.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 8.013.000 đồng. Anh Chiến đã trả tiền gốc cho Sơn.

2. Đối với chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: Khu 10, xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

- Ngày 25/4/2018, Kiều Thế S cho chị Nga vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, chị Nga viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Chị Nga đã trả lãi cho Sơn 20 ngày, tương ứng với số tiền 500.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20%

theo quy định của Bộ luật dân sự là 55.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 445.000 đồng. Chị Nga đã trả tiền gốc cho Sơn.

- Ngày 18/5/2018, Kiều Thế S cho chị Nga vay số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182%,5/1 năm). Khi vay tiền, chị Nga viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Chị Nga đã trả lãi cho Sơn 10 ngày, tương ứng với số tiền 300.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 33.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 267.000 đồng. Chị Nga đã trả tiền gốc cho Sơn.

- Ngày 04/6/2018, Kiều Thế S cho chị Nga vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5000 đồng/ 1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, chị Nga viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Chị Nga đã trả lãi cho Sơn 10 ngày, tương ứng với số tiền 500.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 55.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 445.000 đồng.(Tiền gốc sẽ cộng gộp với khoản vay ngày 06/8/2018).

- Ngày 08/7/2018, Kiều Thế S cho chị Nga vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, chị Nga viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Chị Nga đã trả lãi cho Sơn 10 ngày, tương ứng với số tiền 750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 83.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 667.000 đồng. Chị Nga đã trả tiền gốc cho Sơn.

- Ngày 06/8/2018, Kiều Thế S cho chị Nga vay số tiền 15.000.000 đồng, cộng gộp với khoản vay ngày 04/6/2018 thành 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng mức lãi suất 146%/1 năm). Khi vay tiền, chị Nga viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Chị Nga đã trả lãi cho Sơn 1080 ngày, tương ứng với số tiền 108.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 14.795.000 đồng , số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 93.205.000 đồng. Chị Nga chưa trả Sơn 25.000.000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền Sơn đã cho chị Nga vay là 51.000.000 đồng, thu tiền lãi là 110.050.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 15.021.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 95.029.000 đồng.

Trong quá trình cho chị Nga vay tiền, thì Kiều Thế S và Phạm Văn L2 thay nhau thu tiền lãi của chị Nga, trong tổng số 110.050.000 đồng tiền lãi, L2 trực tiếp thu 50.000.000 đồng.

3. Đối với anh Dương Văn C3, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: Khu 8, thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 31/5/2018, Kiều Thế S cho anh Cường vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng mức lãi suất 109,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Cường viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Anh Cường đã trả lãi cho Sơn 30 ngày, tương ứng với số tiền 900.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20%

theo quy định của Bộ luật dân sự là 165.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 735.000 đồng. Anh Cường đã trả tiền gốc cho Sơn.

4. Đối với anh Vũ Quang M1, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu 7, thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 04/6/2018, Kiều Thế S cho anh Mạnh vay 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Mạnh viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền, anh Mạnh đã trả lãi cho Sơn 1060 ngày, tương ứng với số tiền 265.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 29.042.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 235.958.000 đồng. Anh Mạnh đã trả tiền gốc cho Sơn. Anh Mạnh đã trả tiền lãi và tiền gốc cho Sơn bằng hình thức chuyển qua tài khoản ngân hàng qua hai số tài khoản 2717205256948 (Ngân hàng Agribank) và số tài khoản 103003716642 (Ngân hàng Viettinbank).

5. Đối với anh Nguyễn Văn L5, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Khu 4, thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 13/8/2018, Kiều Thế S cho anh Lâm vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Lâm viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền và để lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn L5. Anh Lâm đã trả lãi cho Sơn 10 ngày, tương ứng với số tiền 1.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 110.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 890.000 đồng. Anh Lâm đã trả tiền gốc cho Sơn.

6. Đối với anh Phạm Văn A, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 08/10/2018, Kiều Thế S cho anh Anh vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng mức lãi suất 109,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Anh viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Anh Anh đã trả lãi cho Sơn 640 ngày, tương ứng với số tiền 57.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.521.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 47.079.000 đồng. Anh Anh đã trả tiền gốc cho Sơn.

Trong quá trình cho anh Anh vay tiền thì Kiều Thế S và Phạm Văn L2 thay nhau thu tiền lãi của anh Anh, trong tổng số 57.600.000 đồng tiền lãi thì L2 trực tiếp thu 2.700.000 đồng.

7. Đối với anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Khu 4, thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 18/12/2018, Kiều Thế S cho anh Tiến vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Tiến viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền và để lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Văn T1. Anh Tiến đã trả lãi cho Sơn 780 ngày, tương ứng với số tiền 19.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự

là 2.137.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 17.363.000 đồng. Anh Tiến chưa trả tiền gốc cho Sơn.

Trong quá trình cho anh Tiến vay tiền thì Kiều Thế S và Phạm Văn L2 thay nhau thu tiền lãi của anh Tiến, trong tổng số 19.500.000 đồng tiền lãi thì L2 trực tiếp thu 1.500.000 đồng.

8.Đối với anh Nguyễn Ngọc S2, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 23/12/2018, Kiều Thế S cho anh Sơn vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Sơn viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Anh Sơn đã trả lãi cho Sơn 10 ngày, tương ứng với số tiền 250.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 28.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 222.000 đồng. Anh Sơn đã trả tiền gốc cho Sơn.

9. Đối với anh Phạm Minh T2, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 14/01/2019, Kiều Thế S cho anh Toàn vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Toàn viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Anh Toàn đã trả lãi cho Sơn 60 ngày, tương ứng với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 329.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 2.671.000 đồng. Anh Toàn đã trả tiền gốc cho Sơn.

10. Đối với anh Phạm Văn T3, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: Khu 6, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

- Ngày 01/02/2019, Kiều Thế S cho anh Toàn vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Toàn viết cho Sơn 01 hợp đồng cho vay tiền và để lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T3. Anh Toàn đã trả lãi cho Sơn 30 ngày, tương ứng với số tiền 750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 83.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 667.000 đồng. Anh Toàn đã trả tiền gốc cho Sơn.

- Ngày 23/01/2020, Kiều Thế S cho anh anh Toàn vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Toàn viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Toàn đã trả lãi cho Sơn 60 ngày, tương ứng với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 329.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 2.671.000 đồng. Anh Toàn đã trả tiền gốc cho Sơn.

Tổng số tiền Sơn đã cho anh Toàn vay là 15.000.000 đồng, thu tiền lãi là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 412.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 3.338.000 đồng.

11. Đối với anh Trần Quang M2, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: Khu Chiềng, xã T K, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 16/3/2019, Kiều Thế S cho anh Minh vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Minh viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Anh Minh đã trả lãi cho Sơn 20 ngày, tương ứng với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 329.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 2.671.000 đồng. Anh Minh đã trả tiền gốc cho Sơn.

12. Đối với anh Nguyễn Văn M3, sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã T K, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 16/3/2019, Kiều Thế S cho anh Minh vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Minh viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền và để lại 01 chứng minh thư mang tên Nguyễn Văn M3. Anh Minh đã trả lãi cho Sơn 20 ngày, tương ứng với số tiền 200.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 22.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 178.000 đồng. Anh Minh đã trả tiền gốc cho Sơn.

13. Đối với anh Phạm Ngọc T4, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 18/3/2019, Kiều Thế S cho anh Tiến vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Tiến viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Anh Tiến đã trả lãi cho Sơn 10 ngày, tương ứng với số tiền 150.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 17.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1năm, thu lời bất chính là 133.000 đồng. Anh Tiến đã trả tiền gốc cho Sơn.

14. Đối với anh Trần Văn H1, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Khu 9, xã Đ X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 24/3/2019, Kiều Thế S cho anh Hùng vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Hùng viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Anh Hùng đã trả lãi cho Sơn 20 ngày, tương ứng với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 329.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 2.671.000 đồng. Anh Hùng đã trả tiền gốc cho Sơn.

15. Đối với anh Nguyễn Mạnh T5, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu 3, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 24/3/2019, Kiều Thế S cho anh Toàn vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Toàn viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Toàn đã trả lãi cho Sơn 30 ngày, tương ứng với số tiền 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến

20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 411.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 3.339.000 đồng. Anh Toàn đã trả tiền gốc cho Sơn.

16. Đối với anh Nguyễn Bình M4, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 13/4/2019, Kiều Thế S cho anh Minh vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Minh viết cho Sơn 01 hợp đồng cho vay tiền và để lại 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Bình M4. Anh Minh đã trả lãi cho Sơn 30 ngày, tương ứng với số tiền 750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 83.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 667.000 đồng. Anh Minh đã trả tiền gốc cho Sơn.

17. Đối với bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1963, hộ khẩu thường trú: Khu 4, xã Đ H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

- Ngày 07/4/2019, Kiều Thế S cho bà Dần vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, bà Dần viết cho Sơn 01 hợp đồng cho vay tiền. Bà Dần đã trả lãi cho Sơn 90 ngày, tương ứng với số tiền 9.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 987.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 8.013.000 đồng . Bà Dần đã trả tiền gốc cho Sơn.

- Ngày 08/10/2019, Kiều Thế S cho bà Dần vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, bà Dần viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Bà Dần đã trả lãi cho Sơn 480 ngày, tương ứng với số tiền 48.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.261.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 42.739.000 đồng. Bà Dần còn nợ Sơn 15.000.000 tiền gốc.

Tổng số tiền Sơn đã cho bà Dần vay là 40.000.000 đồng, thu tiền lãi là 57.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.248.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 50.752.000 đồng.

Trong quá trình cho bà Dần vay tiền thì Kiều Thế S và Phạm Văn L2 thay nhau thu tiền lãi của bà Dần, tuy nhiên L2 chỉ giúp sức cho Kiều Thế S thu lãi của bà Dần tại khoản vay ngày 08/10/2019, trong tổng số 48.000.000 đồng tiền lãi thì L2 trực tiếp thu của bà Dần 27.000.000 đồng.

18. Đối với anh Nguyễn Đình C4, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã Đ H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

- Ngày 07/4/2019, Kiều Thế S cho anh Chung vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền anh Chung viết cho Sơn 01 hợp đồng cho vay tiền. Anh Chung đã trả lãi cho Sơn 30 ngày, tương ứng với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 329.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 2.671.000 đồng. Anh Chung đã trả tiền gốc cho Sơn.

- Ngày 16/7/2019, Kiều Thế S cho anh Chung vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền anh Chung viết cho Sơn 01 hợp đồng cho vay tiền. Anh Chung đã trả lãi cho Sơn 30 ngày, tương ứng với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 329.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 2.671.000 đồng. Anh Chung đã trả tiền gốc cho Sơn.

Tổng số tiền Sơn đã cho anh Chung vay là 40.000.000 đồng, thu tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 658.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 5.342.000 đồng.

19. Đối với anh Trần Trung D2, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: Khu phố Vàng, thị trấn T S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ:

- Ngày 01/6/2019, Kiều Thế S cho anh Dũng vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền anh Dũng viết cho Sơn 01 hợp đồng cho vay tiền và để lại cho Sơn 01 Giấy chứng nhận Kiểm lâm mang tên Trần Trung D2. Anh Dũng đã trả lãi cho Sơn 30 ngày, tương ứng với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 329.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 2.671.000 đồng. Anh Dũng đã trả tiền gốc cho Sơn.

- Ngày 23/7/2019, Kiều Thế S cho anh Dũng vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền anh Dũng viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Dũng đã trả lãi cho Sơn 30 ngày, tương ứng với số tiền 2.250.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 247.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 2.003.000 đồng. Anh Dũng đã trả tiền gốc cho Sơn.

- Ngày 21/8/2019, Kiều Thế S cho anh Dũng vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền anh Dũng viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Dũng đã trả lãi cho Sơn 60 ngày, tương ứng với số tiền 6.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 658.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 5.342.000 đồng. Anh Dũng còn nợ Sơn 1.500.000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền Sơn đã cho anh Dũng vay là 45.000.000 đồng, thu tiền lãi là 11.250.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.234.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 10.016.000 đồng.

20. Đối với anh Bùi Trung K1, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: Khu 12, thị trấn P Y, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La:

Ngày 02/9/2019, Kiều Thế S cho anh Kiên vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Kiên viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Kiên đã trả lãi cho Sơn 565 ngày, tương ứng với số tiền 42.375.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến

20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.644.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 37.731.000 đồng. Anh Kiên đã trả tiền gốc cho Sơn.

Trong quá trình cho anh Kiên vay tiền thì Kiều Thế S và Phạm Văn L2 thay nhau thu tiền lãi của anh Kiên, trong tổng số 42.375.000 đồng tiền lãi thì L2 trực tiếp thu của anh Kiên 9.000.000 đồng.

21.Đối với anh Nguyễn Văn C5, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 28 /11/2019, Kiều Thế S cho anh Chung vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Chung viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Chung đã trả lãi cho Sơn 60 ngày, tương ứng với số tiền 1.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 165.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 1.335.000 đồng. Anh Chung đã trả tiền gốc cho Sơn.

22. Đối với chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 28/11/2019, Kiều Thế S cho chị Ngọc vay số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, chị Ngọc viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Chị Ngọc đã trả lãi cho Sơn 60 ngày, tương ứng với số tiền 2.400.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 264.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 2.136.000 đồng. Chị Ngọc đã trả tiền gốc cho Sơn.

23.Đối với anh Vũ Quang N4, sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú: Khu 1,xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 13/12/2019, Kiều Thế S cho anh Nam vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Nam viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền, chị Hiền (vợ anh Nam) viết cho Sơn 01 giấy bán, cho tặng xe Honda Vision BKS 19D1-161.13, chị Hiền vẫn sử dụng xe. Anh Nam đã trả lãi cho Sơn 120 ngày, tương ứng với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 247.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 2.753.000 đồng. Anh Nam đã trả tiền gốc cho Sơn.

24. Đối với anh Nguyễn Phan Ngọc H2, sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: Khu 6, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 23/01/2020, Kiều Thế S cho anh Hiếu vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Hiếu viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Hiếu đã trả lãi cho Sơn 30 ngày, tương ứng với số tiền 750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 83.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 667.000 đồng. Anh Hiếu đã trả tiền gốc cho Sơn.

25. Đối với anh Nguyễn Thế H3, sinh năm 1998, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 18/02/2020, Kiều Thế S cho anh Hải vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Hải viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Hải đã trả lãi cho Sơn 20 ngày, tương ứng với số tiền 500.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 55.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 445.000 đồng. Anh Hải đã trả tiền gốc cho Sơn.

26. Đối với anh Trần Ngọc N5, sinh năm 2003, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 16/4/2020, Kiều Thế S cho anh Nam vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Nam viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Nam đã trả lãi cho Sơn 30 ngày, tương ứng với số tiền 750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 83.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 667.000 đồng. Anh Nam đã trả tiền gốc cho Sơn.

27.Đối với anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 25/5/2020, Kiều Thế S cho cho anh Tịu vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1triệu / 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, Tịu viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Tịu đã trả lãi cho Sơn 150 ngày, tương ứng với số tiền 3.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là 411.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 3.339.000 đồng. Anh Tịu đã trả tiền gốc cho Sơn. Anh Tịu đã trả tiền lãi và tiền gốc cho Sơn bằng hình thức chuyển qua tài khoản ngân hàng Viettinbank số tài khoản 103003716642.

28. Đối với anh Nguyễn Mạnh H4, sinh năm 1961, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 28/5/2020, Kiều Thế S cho anh Hiến vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Hiến viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Hiến đã trả lãi cho Sơn 60 ngày, tương ứng với số tiền 1.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 165.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 1.335.000 đồng. Anh Hiến đã trả tiền gốc cho Sơn.

29.Đối với anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú: Khu 10, xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 03/6/2020, Kiều Thế S cho anh Quang vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 109,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Quang viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Quang đã trả lãi cho Sơn 90 ngày, tương ứng với số tiền 4.050.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến

20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 740.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 3.310.000 đồng. Anh Quang đã trả tiền gốc cho Sơn.

Trong quá trình cho anh Quang vay tiền thì Kiều Thế S và Phạm Văn L2 thay nhau thu tiền lãi của anhQuang , trong tổng số 4.050.000 đồng tiền lãi thì L2 trực tiếp thu của anh Quang 4.050.000 đồng.

30. Đối với chị Nguyễn Thị L5, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú:Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

- Ngày 14/10/2020, Kiều Thế S cho chị Loan vay số tiền 5.000.000, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền chị Loan viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Chị Loan đã trả lãi cho Sơn 10 ngày, tương ứng với số tiền 250.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 28.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 222.000 đồng . Chị Loan đã trả tiền gốc cho Sơn.

- Ngày 02/11/2020, Kiều Thế S cho chị Loan vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền chị Loan viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Chị Loan đã trả lãi cho Sơn 10 ngày, tương ứng với số tiền 500.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 55.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 445.000 đồng . Chị Loan đã trả tiền gốc cho Sơn.

Tổng số tiền Sơn đã cho chị Loan vay là 15.000.000 đồng, thu tiền lãi là 750.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 83.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 667.000 đồng.

31. Đối với anh Nguyễn Văn H5, sinh năm 1998, hộ khẩu thường trú: Khu 3, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 14/10/2020, Kiều Thế S cho anh Hải vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Hải viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Hải đã trả lãi cho Sơn 90 ngày, tương ứng với số tiền 1.350.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 148.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 1.202.000 đồng. Anh Hải đã trả tiền gốc cho Sơn.

32. Đối với anh Phạm Quang V, sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 20/10/2020, Kiều Thế S cho anh Vịnh vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Hải viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Anh Hải đã trả lãi cho Sơn 10 ngày, tương ứng với số tiền 1.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 110.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 890.000 đồng. Anh Vịnh đã trả tiền gốc cho Sơn. Anh Vịnh đã trả tiền lãi và tiền gốc cho Sơn bằng hình thức chuyển qua tài khoản ngân hàng Viettinbank, số tài khoản 103003716642.

33.Đối với chị Nguyễn Thị T7, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: Khu 10, xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 12/12/2020, Kiều Thế S cho chị Thuận vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, chị Thuận viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Chị Thuận đã trả lãi cho Sơn 180 ngày, tương ứng với số tiền 27.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.959.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 24.041.000 đồng. Chị Thuận đã trả tiền gốc cho Sơn.

Trong quá trình cho chị Thuận vay tiền thì Kiều Thế S và Phạm Văn L2 thay nhau thu tiền lãi của chị Thuận, trong tổng số 27.000.000 đồng tiền lãi thì L2 trực tiếp thu của chị Thuận 3.000.000 đồng.

34. Đối với chị Nguyễn Thị T8, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 24/12/2020, Kiều Thế S cho chị Thoa vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, chị Thoa viết cho Sơn 01 giấy mượn tiền. Chị Thoa đã trả lãi cho Sơn 180 ngày, tương ứng với số tiền 9.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 987.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1năm, thu lời bất chính là 8.013.000 đồng. Chị Thoa chưa trả tiền gốc cho Sơn. Chị Thoa đã trả tiền lãi và cho Sơn bằng hình thức chuyển qua tài khoản ngân hàng Agribank số tài khoản 2717205256948.

Trong quá trình cho chị Thoa vay tiền thì Kiều Thế S và Phạm Văn L2 thay nhau thu tiền lãi của chị Thoa, trong tổng số 9.000.000 đồng tiền lãi thì L2 trực tiếp thu của chị Thoa 2.000.000 đồng.

35. Đối với anh Phạm Ngọc T9, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Ngày 01/01/2021, Kiều Thế S cho anh Tình vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm). Khi vay tiền, anh Tình viết cho Sơn 01 hợp đồng vay tiền. Anh Tình đã trả lãi cho Sơn 06 ngày, tương ứng với số tiền 150.000 đồng, trong đó số tiền lãi đến 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 17.000 đồng, số tiền lãi từ trên 20%/1 năm, thu lời bất chính là 133.000 đồng. Anh Tình đã trả tiền gốc cho Sơn.

Như vậy, tổng số tiền Kiều Thế S dùng vào việc cho vay, sau đó thu lãi vượt quá 5 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật Dân sự là **602.000.000** đồng; Sơn đã thu tổng số **654.975.000** đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi thu được từ lãi suất đến 20% là **79.244.000** đồng, số tiền lãi thu được từ lãi suất trên 20%, thu lời bất chính là **575.731.000** đồng . Hành vi nêu trên của Kiều Thế S đã vi phạm lãi suất thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong quá trình điều tra xác định, trong số 35 người Kiều Thế S cho vay lãi nặng thì Phạm Văn L2 đã giúp sức cho Kiều Thế S trực tiếp thu lãi của 8 người

gồm: Chị Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị D1, anh Bùi Trung K1, anh Phạm Văn A, chị Nguyễn Thị T7, anh Đỗ Văn T1, chị Nguyễn Thị T8, anh Nguyễn Văn Q với tổng số tiền cho vay là **176.000.000** đồng, với lãi suất cho vay từ 3.000 đồng/1triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, thu được tổng số tiền lãi là **317.575.000** đồng, thu lời bất chính số tiền **275.305.000** đồng. Do vậy, Phạm Văn L2 phải chịu trách nhiệm cùng với Kiều Thế S về số tiền cho vay và thu lãi đối với những trường hợp này với vai trò đồng phạm giúp sức.

Căn cứ hành vi phạm tội của Kiều Thế S và Phạm Văn L2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thuỷ đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 38 ngày 08/7/2021 của về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; Quyết định khởi tố bị can số 60 ngày 08/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thuỷ đối với Kiều Thế S về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; Quyết định khởi tố bị can số 84 ngày 24/8/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đối với Phạm Văn L2 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nên trên, lời khai của các bị cáo phù hợp vật chứng thu giữ được và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 61/CT- VKSTT ngày 29 tháng 11 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Kiều Thế S và Phạm Văn L2 tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Kiều Thế S.

* Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn L2.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Kiều Thế S, Phạm Văn L2 phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Kiều Thế S từ 08 đến 10 tháng tù, được trừ 01 tháng 28 ngày bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 29/6/2021 đến ngày 27/8/2021). Bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng 02 ngày tù đến 08 tháng 02 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt bổ sung cho bị cáo Kiều Thế S từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Bị cáo Phạm Văn L2 07 đến 09 tháng tù, được trừ 02 tháng 23 ngày tạm

giam (từ ngày 24/8/2021 đến ngày 17/11/20211). Bị cáo còn phải chấp hành từ 04 tháng 07 ngày tù đến 06 tháng 07 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phạm Văn L2.

3.Về truy thu:

+ Truy thu để sung ngân sách Nhà nước số tiền 624.744.000 đồng của bị cáo Kiều Thế S. Trong đó dùng để làm phương tiện phạm tội số tiền gốc là **545.500.000** đồng; số tiền thu được từ lãi xuất đến 20% là 79.244.000 đồng.

+ Truy thu của: Chị Nguyễn Thị N2: 25.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D1: 15.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T8: 10.000.000 đồng, anh Đỗ Văn T1: 5.000.000 đồng, anh Trần Trung D2: 1.500.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Kiều Thế S phải trả cho anh Nguyễn Văn C2 số tiền thu lời bất chính là 8.013.000 đồng.

Đối với những người vay tiền còn lại (34 người) không đề nghị Sơn phải trả lại số tiền Sơn thu lời bất chính nên không đặt ra giải quyết.

5. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu để sung Ngân sách Nhà nước số tiền 20.200.000 đồng là số tiền bị cáo Sơn thu lời bất chính.

Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 6S màu trắng là chiếc điện thoại Sơn dùng vào việc gọi điện thu lãi của những người vay, là công cụ phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám điện thoại Nokia Ta-1203 màu đen tạm giữ của Phạm Văn L2, xác định là 02 chiếc điện thoại L2 dùng để liên lạc thu tiền lãi của những người vay tiền.

Tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại số 0983.795.766; số 0971.502.210 và số 0921.480506.

Trả lại cho anh Kiều Đại N6 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, biển kiểm soát 19L1 - 208.31; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, biển kiểm soát 19L1 - 208.31.

Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm: 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị N2, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Đức T10, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Phạm Tiến T11, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị C6, 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Đình C4, 01 CMND mang tên Nguyễn Thị L6, 01 CMND mang tên Lê Thúy K2, 01 CMND mang tên Nguyễn Văn S3, 01 CMND mang tên Phạm Văn T3, 01 CMND mang tên Phạm Tiến T11, 01 CMND mang tên Hà Văn H6, 01 CMND mang tên Nguyễn Chí V2, 01 CMND mang tên Nguyễn Tiến D3, 01 CMND mang tên Đỗ Văn T1,

01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thái S4, 01 giấy phép lái xe mang tên Hà Văn H6, 01 giấy pháp lái xe mang tên Hoàng Xuân T12, 01 giấy chứng nhận kiểm lâm mang tên Trần Trung D2.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo Kiều Thế S và Phạm Văn L2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và lời khai tại phiên toà hôm nay đều thống nhất với nhau, phù hợp với nội dung vụ án và phù hợp với vật chứng thu giữ. Như vậy khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 01/2021, Kiều Thế S đã có hành vi cho 35 cá nhân vay tiền với tổng số tiền **602.000.000** đồng, với mức lãi suất từ 3.000đ/1 triệu/1 ngày đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương mức lãi suất 109,5% đến 182.5%/1 năm. Lãi suất mà Kiều Thế S cho vay đã vượt quá 5,5 lần đến 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự (20%/1 năm). Tổng số tiền Kiều Thế S thu được từ lãi suất cho vay trên 20%/1 năm (mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự), thu lời bất chính là **575.731.000** đồng. Do đó, Kiều Thế S phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đối với Phạm Văn L2 đã có hành vi giúp sức cho Kiều Thế S trong hoạt động cho vay lãi nặng đối với 08 cá nhân với tổng số tiền cho vay là **176.000.000**

đồng, thu lời bất chính số tiền **275.305.000** đồng, do vậy, Phạm Văn L2 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2.Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương, đã trực tiếp ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà cụ thể là trật tự quản lý trong lĩnh vực tiền tệ là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Việc cho vay lãi nặng mang tính chất bóc lột, làm người vay lâm vào hoàn cảnh kinh tế vô cùng khó khăn. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến việc duy trì trật tự trị an trên địa bàn, làm bất bình trong dư luận, trong quần chúng nhân dân. Mặc dù tính chất vụ án là ít nghiêm trọng tuy nhiên việc truy tố xét xử các bị cáo là cần thiết thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật đối với các bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Kiều Thế S là người có nhân thân: Bản án số 50/HSST ngày 16/4/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt Kiều Thế S 05 năm tù, bồi thường 200.000 đồng và 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm + 50.000 đồng án phí dân sự. Sơn đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2005, đã bồi thường số tiền 200.000 đồng ngày 06/3/2004, đã thi hành án phí 100.000 đồng ngày 20/8/2003; Bản án số 56/HSST ngày 24/4/2007 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn La xử phạt Kiều Thế S 08 năm tù về tội Cướp tài sản, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng. Bị cáo kháng cáo. Bản án số 50/HSPT ngày 21/6/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, tuyên y án sơ thẩm, bị cáo chịu 50.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Sơn chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/9/2014, đã thi hành án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm ngày 10/01/2012. Điều đó chứng tỏ bị cáo rất coi thường pháp luật do vậy phải có hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với Phạm Văn L2 là người có 01 tiền sự: Ngày 18/6/2020, Phạm Văn L2 bị Công an huyện Thanh Thủy xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác. L2 chưa chấp hành nộp phạt. Điều đó chứng tỏ bị cáo rất coi thường pháp luật do vậy phải có hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2.2] Xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên Tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Qúa trình thực hiện hành vi phạm tội, Sơn đã nhiều lần cho vay lãi nặng với tổng số tiền thu lời bất chính là 575.750.000 đồng, trong đó có 05 lần thu lời bất chính trên 30.000.000 đồng, do vậy Sơn bị áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với Phạm Văn L2 đã giúp sức cho Kiều Thế S trong hoạt động cho vay, thu lãi đối với 08 trường hợp, thu lời bất chính 275.309.000 đồng, trong đó có 04 lần thu lời bất chính trên 30.000.000 đồng. do đó L2 bị áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, nhưng HĐXX xét thấy:

Đối với bị cáo Kiều Thế S theo xác minh của cơ quan điều tra thì bị cáo có tài sản là nhà đất chung với vợ nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Phạm Văn L2 theo xác minh của cơ quan điều tra thì bị cáo không có tài sản gì, không có nghề nghiệp nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[2.4] Ngoài việc cho những người nêu trên vay tiền với lãi suất cao, trong năm 2017, Kiều Thế S còn cho 04 trường hợp vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

-Ngày 30/7/2017, Kiều Thế S cho anh Nguyễn Văn Thái, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vay số 38.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/ 1triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/1 năm), anh Thái đã trả lãi gốc và trả lãi cho Sơn số tiền 39.900.000 đồng.

- Ngày 14/12/2017, Kiều Thế S cho anh Phạm Văn Thủ, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: Khu 4, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng mức lãi suất 146%/1 năm), anh Thủ đã trả gốc và trả lãi cho Sơn số tiền 3.600.000 đồng.

- Tháng 9/2017, Kiều Thế S cho chị Nguyễn Thị L6, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú: Khu 10, xã Đ T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/ 1triệu/1 ngày (tương đương mức

lãi suất 182,5%/1 năm), chị Linh đã trả gốc và trả lãi cho Sơn số tiền 33.750.000 đồng.

- Ngày 22/10/2017, Kiều Thế S cho chị Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vay số tiền 8.000.000 đồng, chị Hằng đã trả gốc và trả lãi cho Sơn số tiền 4.800.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 2 Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và hướng dẫn tại điểm c Mục 1 Công văn số 04/TANDTC –PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, thì hành vi cho vay của Kiều Thế S đối với anh Thái, anh Thủ, chị Linh và chị Hằng được thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, đối chiếu quy định tại Điều 163 Bộ luật hình sự 1999 thì hành vi cho vay của Kiều Thế S đối với anh Thái, anh Thủ, chị Linh và chị Hằng không cấu thành tội phạm, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Kiều Thế S đối với các khoản vay này.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn xác định, Kiều Thế S cho 02 trường hợp vay tiền, cụ thể như sau:

+ Ngày 15/8/2019, Kiều Thế S cho anh Nguyễn Hồng Chiến, sinh năm 1962 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, tương ứng với lãi suất 24%/1năm. Sơn đã thu tiền lãi của anh Chiến là 600.000 đồng, khoản vay này đã vượt quá 1,2 lần (chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/1năm). Do vậy, không tính là số tiền thu lời bất chính Sơn phải chịu trách nhiệm hình sự. Anh Chiến không đề nghị Sơn phải trả lại số tiền thu lời bất chính.

+ Ngày 13/5/2017, Kiều Thế S cho anh Phạm Xuân Yên, sinh năm 1974, hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2,67%/ 1tháng, tương ứng với lãi suất 32,49%/1 năm, khoản vay này lãi suất đã vượt quá 1,62 lần (chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/1năm). Do vậy không tính là số tiền thu lời bất chính Sơn phải chịu trách nhiệm hình sự. Ông Yên không đề nghị Sơn phải trả lại số tiền thu lời bất chính.

Quá trình điều tra, Kiều Thế S còn khai nhận cho 20 người khác vay tiền với lãi suất cao gồm: anh Phạm Mạnh Hùng, sinh năm 1978, chị Nguyễn Thị Bích Liên, sinh năm 1978, anh Vũ Quang Cường, sinh năm 1998, anh Nguyễn Chí V2, sinh năm 1957, anh Lương Văn Chiêng, sinh năm 1972, đều có hộ khẩu thường trú tại xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, anh Nguyễn Như Long, sinh năm 1984, anh Nguyễn Quang Minh, sinh năm 1960, chị Nguyễn Thị Kim Duyên, sinh năm 1989, anh Lê Văn Trọng, sinh năm 1969, chị Trần Thị Quỳnh, sinh năm 1995 đều có hộ khẩu thường trú tại xã T K, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, chị Chu Thị Lý, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: Khu 3, xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, anh Lê Văn Lập, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, anh Hà Văn H6, sinh năm 1987, hộ khẩu

thường trú: xóm Đồng Cả, xã X Đ, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ, anh Hoàng Xuân T12, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: khu Việt Phú, xã Đ Q, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, anh Nguyễn Chí Công, sinh năm 1990, anh Nguyễn Văn Bình, sinh năm 1080 đều có hộ khẩu thường trú tại thị trấn T T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, anh Nguyễn Văn Huy, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Khu 6, xã S T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, anh Nguyễn Văn Quyết, sinh năm 1989, anh Nguyễn Thái S4, sinh năm 1989 đều có hộ khẩu thường trú: Khu 1, Xã X L, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, chị Đinh Thị Minh Xuân, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: thôn Lặt, xã Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần đối với những người vay tiền theo lời khai của Sơn, tuy nhiên những người này đều không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để kết luận về hành vi cho vay của Sơn đối với những người này, khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Kiều Văn K2, quá trình điều tra xác định, ông Kim là chú ruột của Kiều Thế S, ông Kim không biết những tài liệu Sơn gửi tại nhà ông liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng của Sơn, bản thân ông Kim không được hưởng lợi gì từ Sơn nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Kim.

Đối với chị Kiều Thu H7, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ và chị Hoàng Thị L, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ là em họ và vợ của Kiều Thế S, chị Hương và chị Liễu cho Sơn mượn tài khoản Ngân hàng sử dụng nhưng không biết Sơn dùng vào mục đích nhận tiền lãi của những người vay tiền và không được hưởng lợi từ việc Sơn cho vay tiền, chị Hương và chị Liễu không có sự thỏa thuận, bàn bạc giúp sức cho Kiều Thế S trong việc cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Hương và chị Liễu.

[2.5] Về Truy thu:

+ Truy thu để sung ngân sách Nhà nước số tiền 624.744.000 đồng của bị cáo Kiều Thế S. Trong đó dùng để làm phương tiện phạm tội số tiền gốc là **545.500.000** đồng; số tiền thu được từ lãi xuất đến 20% là 79.244.000 đồng.

+ Đối với số tiền Sơn cho chị Nguyễn Thị N2 vay 25.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D1 vay 15.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T8 vay 10.000.000 đồng, anh Đỗ Văn T1 vay 5.000.000 đồng, anh Trần Trung D2 vay 1.500.000 đồng là số tiền gốc Sơn cho những người trên vay nhưng chưa trả là phương tiện phạm tội. Vì vậy cần truy thu của những người nêu trên để sung ngân sách Nhà nước.

[2.6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với các trường hợp Kiều Thế S cho vay lãi nặng nêu trên thì anh Nguyễn Văn C2 đề nghị Sơn trả lại số tiền thu lời bất chính nên buộc bị cáo Sơn phải trả lại cho anh Chiến số tiền thu lời bất chính. Những người vay tiền còn lại (34 người) không đề nghị Sơn phải trả lại số tiền Sơn thu lời bất chính nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.7] Về vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

Đối với số tiền 20.200.000 đồng là số tiền bị cáo Sơn thu được tiền lãi của những người vay tiền, đây là khoản thu lời bất chính. Vì vậy, cần tịch thu để sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6S màu trắng, xác định là chiếc điện thoại Sơn dùng vào việc gọi điện thu lãi của những người vay, là công cụ phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám, 01 điện thoại Nokia Ta-1203 màu đen tạm giữ của Phạm Văn L2, xác định là 02 chiếc điện thoại L2 dùng để liên lạc thu tiền lãi của những người vay tiền cần tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 túi vải màu đỏ nhãn hiệu BENYUE là đồ vật bị cáo Sơn dùng để đựng giấy tờ mua bán, cho vay và giấy tờ nhân thân của những người đi vay, là đồ vật dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội vì vậy cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 03 sim điện thoại trong các máy điện thoại là đồ vật không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, biển kiểm soát 19L1 - 208.31, quá trình điều tra xác định là xe của anh Kiều Đại N6, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: Khu 2, xã B Y, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, là anh trai của Kiều Thế S, anh Nghĩa cho Sơn mượn xe để đi lại và không biết việc Sơn sử dụng chiếc xe làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho anh Kiều Đại N6.

Các giấy tờ cá nhân như Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy phép lái xe là giấy tờ cá nhân của những người vay tiền gồm có: 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị N2, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Đức T10, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Phạm Tiến T11, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị C6, 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Đình C4, 01 CMND mang tên Nguyễn Thị L6, 01 CMND mang tên Lê Thúy K2, 01 CMND mang tên Nguyễn Văn S3, 01 CMND mang tên Phạm Văn T3, 01 CMND mang tên Phạm Tiến T11, 01 CMND mang tên Hà Văn H6, 01 CMND mang tên Nguyễn Chí V2, 01 CMND mang tên Nguyễn Tiến D3, 01 CMND mang tên Đỗ Văn T1, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thái S4, 01 giấy phép lái xe mang tên Hà Văn H6, 01 giấy pháp lái xe mang tên Hoàng Xuân T12, 01 giấy chứng nhận kiểm lâm mang tên Trần Trung D2 là các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Kiều Thế S và Phạm Văn L2 do Sơn lưu giữ cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[2.8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2.9] Đề nghị của đại diện VKSND huyện Thanh Thủy tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Kiều Thế S.

* Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn L2.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Kiều Thế S, Phạm Văn L2 phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".*

2. Xử phạt:

- Bị cáo Kiều Thế S 08 (Tám) tháng tù, được trừ 01 tháng 28 ngày bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 29/6/2021 đến ngày 27/8/2021). Bị cáo còn phải chấp hành 06 (Sáu) tháng 02 (Hai) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Kiều Thế S 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Bị cáo Phạm Văn L2 07 (Bẩy) tháng tù, được trừ 02 tháng 23 ngày tạm giam (từ ngày 24/8/2021 đến ngày 17/11/20211). Bị cáo còn phải chấp hành 04 (Bốn) tháng 07 (Bẩy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phạm Văn L2.

3.Về truy thu:

+ Truy thu để sung ngân sách Nhà nước số tiền 624.744.000 đồng của bị cáo Kiều Thế S. Trong đó dùng để làm phương tiện phạm tội số tiền gốc là **545.500.000** đồng; số tiền lãi thu được từ lãi xuất đến 20% là 79.244.000 đồng.

+ Truy thu của: Chị Nguyễn Thị N2: 25.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D1: 15.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T8: 10.000.000 đồng, anh Đỗ Văn T1: 5.000.000 đồng, anh Trần Trung D2: 1.500.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Kiều Thế S phải trả cho anh Nguyễn Văn C2 số tiền thu lời bất chính là 8.013.000 đồng.

Đối với những người vay tiền còn lại (34 người) không đề nghị Sơn phải trả lại số tiền Sơn thu lời bất chính nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

5. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để sung Ngân sách Nhà nước số tiền 20.200.000 đồng.

- Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Iphone 6S màu vàng.

+ 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám.

+ 01 điện thoại Nokia Ta-1203 màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 túi vải màu đỏ nhãn hiệu BENYUE.

+03 sim điện thoại các số 0983.795.766; số 0971.502.210 và số 0921.480546.

- Trả lại cho anh Kiều Đại N6 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, biển kiểm soát 19L1 - 208.31; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, biển kiểm soát 19L1 - 208.31.

- Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm: 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị N2, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Đức T10, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Phạm Tiến T11, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị C6, 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Đình C4, 01 CMND mang tên Nguyễn Thị L6, 01 CMND mang tên Lê Thúy K2, 01 CMND mang tên Nguyễn Văn S3, 01 CMND mang tên Phạm Văn T3, 01 CMND mang tên Phạm Tiến T11, 01 CMND mang tên Hà Văn H6, 01 CMND mang tên Nguyễn Chí V2, 01 CMND mang tên Nguyễn Tiến D3, 01 CMND mang tên Đỗ Văn T1, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thái S4, 01 giấy phép lái xe mang tên Hà Văn H6, 01 giấy pháp lái xe mang tên Hoàng Xuân T12, 01 giấy chứng nhận kiểm lâm mang tên Trần Trung D2.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/12/2021).

6. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự . Điểm a, Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Kiều Thế S, Phạm Văn L2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7.Về Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi họ cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND.h.Thanh Thủy;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CA huyện Thanh Thủy;
- CQ THAHS;
- UBND xã (nơi các bị cáo cư trú);
- Chi cục THADS h.Thanh Thủy;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; người có QLNV LQ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đặng Xuân Bộ